

Số: 395/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT

Vĩnh Long, ngày 31 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy định chuẩn năng lực tiếng Anh cho sinh viên và học viên cao học

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH LONG

Căn cứ Quyết định số 1785/QĐ-LDTBXH ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế giáo dục trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Xét đề nghị của Hội đồng Khoa học và Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là **Quy định chuẩn năng lực tiếng Anh cho sinh viên và học viên cao học** của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực bắt đầu từ ngày ký và thay thế các quy định trước đây về vấn đề có liên quan.

Điều 3. Ông (Bà) trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm liên quan và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: PĐT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lao Hùng Phi

QUY ĐỊNH

CHUẨN NĂNG LỰC TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN VÀ HỌC VIÊN CAO HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 395/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 31/10/2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học SPKT Vĩnh Long)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- 1.1. Văn bản này quy định về việc tổ chức giảng dạy các học phần tiếng Anh, tổ chức kiểm tra đánh giá, phân loại trình độ tiếng Anh đầu vào, điều kiện miễn học các học phần tiếng Anh, miễn thi chuẩn đầu ra tiếng Anh, kiểm tra chứng chỉ tiếng Anh đối với của sinh viên bậc đại học (sau đây gọi tắt là sinh viên) và học viên cao học (sau đây gọi tắt là học viên) của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là Trường).
- 1.2. Xác định nội dung, phương pháp tổ chức đào tạo ngoại ngữ và trách nhiệm của các đơn vị, bộ phận và cá nhân có liên quan trong việc tổ chức, quản lý quá trình đào tạo tiếng Anh đạt chuẩn năng lực tại Trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với sinh viên và học viên của Trường bắt đầu từ năm học 2023 – 2024. (kể cả các khóa đã trúng tuyển, nhập học trước đây)

Điều 3. Chuẩn năng lực ngoại ngữ chung của Trường Đại học SPKT Vĩnh Long

- 3.1. Đánh giá trình độ năng lực chung về ngoại ngữ theo Khung tham chiếu Trình độ ngôn ngữ chung Châu Âu (CEFR) và Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, theo Phụ lục 1 của Quy định này, gồm: Bậc 1 (A1), Bậc 2 (A2), Bậc 3 (B1), Bậc 4 (B2), Bậc 5 (C1), Bậc 6 (C2).
- 3.2. Các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế được công nhận trong đánh giá năng lực ngoại ngữ của sinh viên và học viên được quy đổi theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 của Quy định này.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH VỀ CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ VÀ TỔ CHỨC QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO NGOẠI NGỮ

Điều 4. Yêu cầu về trình độ tiếng Anh khi tốt nghiệp

Để được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng, ngoài các quy định theo quy chế đào tạo hiện hành, sinh viên và học viên theo học ngoại ngữ Tiếng Anh phải đạt yêu cầu về chuẩn tiếng Anh đầu ra của Trường (sau đây viết tắt là CTADR). Sinh viên bậc đại học đạt CTADR là người có năng lực tiếng Anh đạt tương đương bậc 3/6 (B1) trở lên (sinh viên

từ Khóa 47 trở về trước áp dụng theo Quy chế cũ); học viên cao học đạt CTADR là người có năng lực tiếng Anh đạt tương đương bậc 4/6 (B2) trở lên.

Điều 5. Tổ chức kiểm tra đầu vào trình độ tiếng Anh

- 5.1. Sau khi nhập học, Trung tâm Ngoại ngữ (TTNN) phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra trình độ Tiếng Anh đối với sinh viên trúng tuyển vào Trường. Các bài thi được thiết kế dựa trên định dạng bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ quốc tế Cambridge tests do TTNN thực hiện.
- 5.2. Kết quả kiểm tra năng lực tiếng Anh được sử dụng làm căn cứ để Trường phân loại, xếp lớp.
- 5.3. Những sinh viên thuộc một trong các điều kiện sau không phải dự kiểm tra:
- 5.3.1. Sinh viên đã có các chứng chỉ Tiếng Anh Quốc tế thỏa mãn điều kiện nêu trong Phụ lục 1 và Phụ lục 2 còn hiệu lực;
- 5.3.2. Sinh viên đã đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi Tiếng Anh bậc Trung học Phổ thông cấp tỉnh trở lên trong vòng ba năm cho đến thời điểm nhập học;

Điều 6. Tổ chức giảng dạy các lớp ngoại ngữ (tiếng Anh)

- 6.1. Căn cứ kết quả kiểm tra đầu vào, sinh viên phải học hoặc/và được miễn học theo quy định như sau:

Bảng 1. Khung năng lực tiếng Anh chi tiết

STT	Điểm kiểm tra đầu vào (Điểm trung bình của 2 kỹ năng Nghe – Đọc)	Học phần Anh văn				Ghi chú
		Anh văn 1 (NN1101)	Anh văn 2 (NN1102)	Anh văn 3 (NN1103)	Anh văn 4 (NN1104)	
1	ĐKT < 5.0 hoặc không tham gia kiểm tra	Học	Học	Học	Học	Nếu có một kỹ năng dưới 3.0 sẽ giảm 1 bậc (*)
2	ĐKT = 5.0 – 6.5	Miễn	Học	Học	Học	
3	ĐKT = 7.0 – 8.5	Miễn	Miễn	Học	Học	
4	ĐKT = 9.0 – 9.5	Miễn	Miễn	Miễn	Học	
5	ĐKT > 9.5	Miễn	Miễn	Miễn	Miễn	

(*) Ví dụ sinh viên đạt Điểm kiểm tra đầu vào là 7.0, nhưng có một kỹ năng đạt điểm dưới 3.0 thì vẫn sẽ áp dụng theo trường hợp 2 (Miễn AV1, Học AV 2,3,4).

- 6.2. Chương trình giảng dạy, giáo trình, đề cương học phần, tài liệu học tập, nội dung và hình thức kiểm tra năng lực tiếng Anh được Trường phê duyệt theo quy định.

Bảng 2. Thời lượng chương trình Anh văn 1, 2, 3 và 4 dành cho bậc đại học

Tên lớp	Mã lớp	Số tiết	Giáo trình học liệu
Anh văn 1	NN1101	45 tiết	Objective PET (Cambridge) + Tài liệu tham khảo
Anh văn 2	NN1102	45 tiết	Objective PET (Cambridge) + Tài liệu tham khảo
Anh văn 3	NN1103	60 tiết	Objective PET (Cambridge) + Tài liệu tham khảo
Anh văn 4	NN1104	60 tiết	Objective PET (Cambridge) + Tài liệu tham khảo
Luyện thi A2	NN12A2	60 tiết	PET practice tests + Tài liệu do TTNN biên soạn
Luyện thi B1	NN12B1	60 tiết	PET practice tests + Tài liệu do TTNN biên soạn

Bảng 3. Thời lượng chương trình Anh văn Cao học 1, 2 và 3 dành cho bậc cao học

Tên lớp	Mã lớp	Số tiết	Giáo trình học liệu
Anh văn Cao học 1	NN2101	45 tiết	Objective First (Cambridge) + Tài liệu tham khảo
Anh văn Cao học 2	NN2102	45 tiết	Objective First (Cambridge) + Tài liệu tham khảo
Anh văn Cao học 3	NN2103	60 tiết	Objective First (Cambridge) + Tài liệu tham khảo
Luyện thi B2	NN21B2	60 tiết	FCE practice tests + Tài liệu do TTNN biên soạn

6.3. Đánh giá xếp loại

Kết thúc mỗi học phần tiếng Anh, sinh viên, học viên phải tham gia kỳ kiểm tra kết thúc khóa và phải đạt thì mới được học học phần tiếp theo.

Hình thức đánh giá:

- Thang điểm 10 được phân bố như sau:

+ Điểm danh: 10%

+ Kiểm tra trên lớp: 40%

+ Kiểm tra cuối khóa: 50%

- Kỹ năng đánh giá: Nghe, nói, đọc và viết

- Sinh viên phải phải tham gia kiểm tra đầy đủ các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết đối với từng lớp học phần tiếng Anh.

6.4. TTNN tổ chức các lớp học tiếng Anh cho sinh viên, học viên theo đúng chức năng và nhiệm vụ được giao. Phòng Đào tạo lập kế hoạch, thông báo cho sinh viên đăng ký, nộp học phí, ...

Điều 7. Miễn các học phần tiếng Anh đối với sinh viên đại học

7.1. Sinh viên có chứng chỉ quốc tế còn hiệu lực (tính đến khi xét) được quy đổi về các mức khác nhau (Phụ lục 1) để Nhà trường xem xét miễn học các học phần Anh văn 1, 2, 3 và 4. Sinh viên có bằng cử nhân tiếng Anh (không phân biệt nơi cấp) được TTNN tiếp nhận và Hội đồng chuyên môn kiểm tra quyết định công nhận hoặc phải xác minh tính hợp pháp hoặc tổ chức kiểm tra lại.

Bảng 4. Quy đổi khi xét miễn học các học phần tiếng Anh

Khung NLNN Việt Nam	Khung CEFR	Chứng chỉ quốc tế (điểm)	AV1	AV2	AV3	AV4
1	A1	KET (100) TOEIC (300) IELTS (3.0) TOEFL iBT (32)	Miễn	Miễn	Học	Học
2	A2	PET (120) KET (120) TOEIC (400) IELTS (3.5) TOEFL ITP (360) TOEFL iBT (38)	Miễn	Miễn	Miễn	Học
3	B1	FCE (140) PET (140) KET (140) TOEIC (450) IELTS (4.0) TOEFL ITP (450) TOEFL iBT (45)	Miễn	Miễn	Miễn	Miễn
4	B2	CAE (160) FCE (160) PET (160) TOEIC (600) IELTS (5.5) TOEFL ITP (500) TOEFL iBT (61)	Miễn	Miễn	Miễn	Miễn

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

7.2. Trong quá trình học tập, nếu sinh viên có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế đạt trình độ tương đương với học phần tiếng Anh đang học có thể gửi đơn (theo mẫu) về TTNN (khi có thông báo) đề nghị công nhận. TTNN sẽ tiếp nhận và trình Hội đồng chuyên môn xem xét từng trường hợp cụ thể. Cuối cùng Hiệu trưởng ra quyết định việc miễn học các học phần tiếng Anh. Sinh viên chỉ được miễn học các học phần tiếng Anh theo quy định tại Khoản 1 của Điều này sau khi có quyết định của Hiệu trưởng.

7.3. Sinh viên có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế được miễn học các học phần tiếng Anh nhưng phải tham dự kiểm tra chuẩn năng lực ngoại ngữ đầu ra của Trường khi xét công nhận tốt nghiệp (nếu chứng chỉ tiếng Anh được cấp trên 24 tháng tính đến thời điểm xét công nhận tốt nghiệp).

Điều 8. Quy trình xin miễn học các học phần tiếng Anh đối với sinh viên và học viên

- 8.1. Sinh viên thỏa mãn các điều kiện về miễn học các học phần tiếng Anh sẽ nộp đơn theo mẫu (Phụ lục 4) cho TTNN khi có thông báo. Cách thức xác minh chứng chỉ sẽ được thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục 3 (áp dụng chung cho sinh viên và học viên).
- 8.2. Hội đồng chuyên môn tổ chức xét từng trường hợp cụ thể và trình kết quả xét duyệt để Hiệu trưởng ra quyết định công nhận.

Điều 9. Kiểm tra chuẩn đầu ra ngoại ngữ trước khi tốt nghiệp

- 9.1. Trường thành lập Hội đồng chuyên môn kiểm tra trình độ tiếng Anh đối với sinh viên, học viên theo chuẩn đầu ra ngoại ngữ và cấp Giấy chứng nhận cho sinh viên khi đạt chuẩn đầu ra như khoản 1, Điều 3 trong Quy định này.
- 9.2. TTNN phối hợp các đơn vị có liên quan thường xuyên (ít nhất mỗi tháng 1 lần) tổ chức các kỳ thi và cấp chứng nhận chuẩn đầu ra ngoại ngữ tương đương theo chuẩn năng lực tiếng Anh dành cho sinh viên, học viên.
- 9.3. Đề thi kiểm tra chuẩn đầu ra ngoại ngữ tuân thủ về dạng thức đề thi ngoại ngữ của Khung Tham chiếu Châu Âu và đáp ứng khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và được bảo mật đúng quy định.

Điều 10. Học phí và các loại lệ phí

Sinh viên, học viên dự kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào; học các lớp ngoại ngữ, dự thi, ... phải nộp học phí, lệ phí theo quy định hiện hành của Trường.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

- 11.1. TTNN phối hợp với các đơn vị có liên quan và sinh viên, học viên toàn trường thực hiện Quy định này.
- 11.2. Tất cả tân sinh viên của Trường phải tham gia kỳ kiểm tra đầu vào. Trong bất kỳ trường hợp nào, tân sinh viên không tham gia kỳ kiểm tra đầu vào thì buộc phải học tất cả các học phần tiếng Anh theo quy định.
- 11.3. Việc kiểm tra tiếng Anh đầu vào dành cho mỗi khóa học và kỳ kiểm tra chuẩn đầu ra ngoại ngữ cũng như việc kiểm tra cuối mỗi khóa học do TTNN phối hợp với các phòng chức năng có liên quan triển khai thực hiện.
- 11.5. Các lớp tiếng Anh bậc đại học và cao học thực hiện theo kế hoạch cụ thể của phòng Đào tạo.
- 11.6. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, các đơn vị báo cáo Ban Giám hiệu (qua phòng Đào tạo) để xem xét và giải quyết.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lao Hùng Phi

PHỤ LỤC 1

**Bảng tham chiếu quy đổi chuẩn trình độ tiếng Anh
của Trường Đại học SPKT Vĩnh Long
(để xét trình độ tiếng Anh đầu vào, miễn học và điều kiện tốt nghiệp dành cho
sinh viên bậc đại học)**

*(Theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về
việc ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)*

Khung NLNN Việt Nam	Khung tham chiếu CEFR	IELTS	TOEIC	TOEFL ITP	TOEFL iBT	Cambridge Tests
1	A1	3.0	300	 	32	KET (100)
2	A2	3.5	400	360	38	PET (120) KET (120)
3	B1	4.0	450	450	45	FCE (140) PET (140) KET (140)
4	B2	5.5	600	500	61	CAE (160) FCE (160) PET (160)
5	C1	7.0	780	627	80	CPE (180) CAE (180) FCE (180)
6	C2	8.5	 	 	107	CPE (200) CAE (200)

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)



PHỤ LỤC 2

**Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ tiếng Anh tương đương
Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong
tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ**

*(Theo Thông tư số: 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

STT	Chứng chỉ/ văn bằng	Trình độ/ Thang điểm	
		Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	TOEFL iBT	30 – 45	46 – 93
2	TOEFL ITP	450 – 499	
3	IELTS	4.0 – 5.0	5.5 – 6.5
4	Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/ B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140 – 159	B2 First/ B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160 – 179
5	TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275 – 399 Đọc: 275 – 384 Nói: 120 – 159 Viết: 120 – 149	Nghe: 400 - 489 Đọc: 385 - 454 Nói: 160 - 179 Viết: 150 - 179



PHỤ LỤC 3

CÁC PHƯƠNG THỨC XÁC MINH CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH QUỐC TẾ

STT	Đơn vị cấp chứng chỉ	Chứng chỉ	Phương thức xác minh chứng chỉ (theo thứ tự ưu tiên)
1	British Council	IELTS	1. Đăng ký với đơn vị cấp chứng chỉ gửi chứng chỉ (phụ) trực tiếp về Nhà trường (trước hoặc sau khi thi).
	IDP		
2	IIG	TOEIC	1. Đăng ký với đơn vị cấp chứng chỉ gửi chứng chỉ (phụ)/ giấy xác nhận trực tiếp về Nhà trường (trước hoặc sau khi thi). 2. Nhà trường gửi yêu cầu hậu kiểm chứng chỉ cho IIG.
		TOEFL ITP	
		TOEFL iBT	
3	Cambridge ESOL	KET	1. Đăng ký với đơn vị cấp chứng chỉ gửi chứng chỉ (phụ) trực tiếp về Nhà trường (trước hoặc sau khi thi). 2. Xác minh trực tuyến qua trang web chính thức của Cambridge. Sinh viên cung cấp cho Nhà trường Mã thí sinh (Candidate ID number) và Mật khẩu "Secret number" để kiểm tra.
		PET	
		FCE	
		CAE	
		CPE	
		Business Vantage	
		Linguaskill	

* Các phương thức xác minh chứng chỉ tiếng Anh Quốc tế có thể thay đổi.



PHỤ LỤC 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC MIỄN HỌC
HỌC PHẦN TIẾNG ANH**

Kính gửi: BAN GIÁM HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VĨNH LONG

Tôi tên:..... Ngày sinh:.....
Khoa: Ngành học:.....
Khóa: Lớp:

Mã sinh viên:..... Điện thoại.....
Email:

Căn cứ quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT; căn cứ quy định miễn học các học phần tiếng Anh của Trường Đại học SPKT Vĩnh Long, tôi làm đơn này đề nghị được miễn học (*Ghi rõ từng học phần, ví dụ Anh văn 1, Anh văn 2, Anh văn 3, Anh văn 4*):

- 1./.....
- 2./.....
- 3./.....
- 4./.....

Hồ sơ gửi kèm:

1- Bằng tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng ngành Ngôn ngữ Anh: (bản sao có công chứng, và xuất trình bản gốc để đối chiếu).

*Trường.....Năm cấp:.....Nơi cấp:.....

*Trường.....Năm cấp:.....Nơi cấp:.....

2- Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn hiệu lực: (bản sao có công chứng, hoặc xuất trình bản gốc để đối chiếu).

Tên chứng chỉ..... Kết quả.....

Tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định của Trường về việc miễn học các học phần Tiếng Anh.

Xin trân trọng cảm ơn!

Vĩnh Long, ngày tháng..... năm 20...

Phòng Đào tạo

Trung tâm Ngoại ngữ

NGƯỜI LÀM ĐƠN